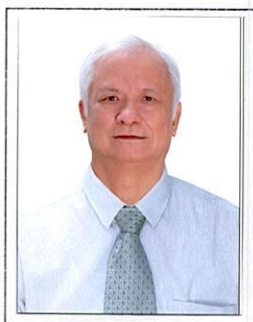


**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

*(Dành cho ứng viên/ thành viên các Hội đồng Giáo sư)*



**1. Thông tin chung:**

- Họ và tên: Lê Hồng Lý
- Năm sinh: 1957..
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo: (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): TS, năm 1991, Bulgaria.
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): GS, 2012, Học viện KHXH, Viện HLKHXHVN.

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Văn hóa học, Văn hóa dân gian.
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Nghiên cứu viên cao cấp, Viện Nghiên cứu văn hóa, Viện HLKHXHVN.
- Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng Tổng biên tập tạp chí Văn hóa dân gian.
- Thành viên Hội đồng giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):  
Thành viên HĐCS của Học viện KHXH năm 2016, 2017, 2019. Thành viên HĐCS của Trường ĐHSPNTTU năm 2019.
- Thành viên Hội đồng giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):  
Thành viên Hội đồng giáo sư ngành Văn hóa Nghệ thuật, TDTT năm 2019.
- Thành viên Hội đồng giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):  
Không.

**2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)**

**2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình**

a, Tổng số sách đã chủ biên: **06**. sách chuyên khảo, **02**. giáo trình **02**.

b, Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn).

1. Văn hóa các tộc người thiểu số tại chỗ Tây Nguyên: Truyền thống, biến đổi và các vấn đề đặt ra. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, H.2019.

## 2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a, Tổng số đã công bố: **65** bài báo tạp chí trong nước, **02** bài báo tạp chí quốc tế.

b, Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn – nếu có*):

- Trong nước:

1. Vai trò của văn hóa phi vật thể trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay-nhìn từ lễ hội truyền thống. Tạp chí Di sản văn hóa, số (60), 2017, tr. 10-15.

2. Phục hưng lễ hội truyền thống Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trong: "Kỷ yếu: Tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam trong bối cảnh mới", Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2018, tr. 106-118.

3. Văn hóa gia đình-một giá trị cốt lõi của văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Trong: " Trong Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam". Nxb VHDT, H.2018, tr. 451- 468.

4. 40 năm nghiên cứu lễ hội ở viện Nghiên cứu văn hóa, Tạp chí Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, số 4 (184) 2019, tr. 61-76.

5. Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tại các di tích Hà Nội-một số vấn đề thực trạng và giải pháp", Tạp chí Di sản văn hóa, số 2(67)-2019, tr.79-82.

- Quốc tế: Không.

## 2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a, Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì, chủ nhiệm 01 cấp Nhà nước; 08 cấp Bộ và tương đương.

b, Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong năm năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

1. Đề tài nhánh của chương trình cấp Nhà nước Tây Nguyên 3: “*Vai trò của văn hóa và lối sống trong phát triển bền vững Tây Nguyên*“ 2013-2014. Chủ nhiệm.

2. “Điều tra thực trạng các di sản văn hóa phi vật thể Việt Nam được UNESCO vinh danh” 2015-2017. Cấp Bộ. Chủ nhiệm.

3. “Lễ hội truyền thống của người Việt trong đời sống xã hội Việt Nam đương đại”. Cấp Bộ-Quỹ Nafosted. Chủ nhiệm.

4. “Nghiên cứu hệ thống hóa và xây dựng phương án số hóa dữ liệu về kho tàng sử thi Tây Nguyên” 2016-2017. Cấp Bộ. Chủ nhiệm.

...2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a, Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có:..... sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có:..... tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: ..... thành tích huấn luyện, thi đấu

b, Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 05 năm trở lại đây (tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp):

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a, Tổng số: **18** NCS đã hướng dẫn chính

b, Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kể với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn):

1. Lê Thị Cúc. Tang thức của người Việt là tín đồ Phật giáo và Công giáo. 2015.

2. Cao Kỳ Hương. “Ly hôn trong các gia đình người Việt theo Công giáo (qua nghiên cứu giáo xứ Chợ Mới, Nha Trang, Khánh Hòa)”

2017.

3. Phạm Lan Hương. Đời sống dân gian trong hoạt động bảo tàng hiện nay (nghiên cứu trường hợp Bảo tàng thành phố Hồ Chí Minh). 05.5.2020

3. Các thông tin khác:

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích

*huấn luyện, thi đấu..., khi liệt kê công trình có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...): (Chọn một số tiêu biểu)*

- 1- Văn hóa truyền thống làng Đông Ky. Chủ biên. Viện VHĐG, Hà Nội, 2000.
  - 2- Những sinh hoạt văn hóa dân gian của một làng ven đô (làng Đăm). Chủ biên. Nxb. KHXH, Hà Nội, 2003.
  - 3- Địa chí Hòa Bình. Nxb. Nxb. Chính trị quốc gia, H.2005. Chủ biên phần Văn hóa xã hội.
  - 4- Lê Hồng Lý. *Praying for profit: The cult of the Lady of the Treasury*. Journal of Southeast Asian Studies, Vol.38, No.3, October 2007.
  - 5- Le Hong Ly & Hue Tam Ho Tai. *The Revenge of the object villagers and ethnographers in Dong Ky village*. In: "Asian Ethnology" Vol.67, Number 2, 2008, p. 323-345.
  - 6- Lê Hồng Lý. *Sự tác động của kinh tế thị trường vào lễ hội tín ngưỡng*. Nhà xuất bản Văn hóa thông tin. Hà Nội, 2008.
  - 7- Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý. Lễ hội Việt Nam. Nxb. VHTT, Hà Nội, 2005.
  - 8- Lê Hồng Lý (chủ biên), Dương Văn Sáu, Đặng Hoài Thu. *Giáo trình quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch*. Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, 2010.
  - 9- Lê Hồng Lý. *Tìm hiểu lễ hội Hà Nội*. Nhà xuất bản Hà Nội. Hà Nội, 2010.
  - 10- Lê Hồng Lý (chủ biên), Nguyễn Thị Hương Liên. *Lễ hội lịch sử ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ*. Nhà xuất bản VHDT, Hà nội, 2011.
  - 11- Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Châm. Giáo trình lễ hội Việt Nam. Nxb. KHXH, Hà Nội, 2014.
  - 12- Văn hóa các tộc người thiểu số tại chỗ Tây Nguyên: Truyền thống, biến đổi và các vấn đề đặt ra. Viết chung với Nguyễn Thị Phương Châm, Hoàng Cẩm, Phạm Quỳnh Phương, Trần Hoài, Đoàn Thị Tuyền. Nxb. KHXH, Hà Nội, 2019.
- 3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):**
- 3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google Scholar, H-index, số lượng trích dẫn (nếu có):**
- 3.4. Ngoại ngữ:**

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Tiếng Bulgaria.
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Trung bình.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Yác nhận của Học Viên  
Khoa học xã hội*

*Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2020*

**NGƯỜI KHAI**  
(ký và ghi rõ họ tên)



Lê Hồng Lý



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC**

**PGS.TS. Trần Minh Tuấn**